SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN NHI

Số: 414/BVSN-KD

V/v mời chào giá vật tư sử dụng trong can thiệp, phẫu thuật tim mạch và nút mạch của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 4 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư sử dụng trong can thiệp, phẫu thuật tim mạch và nút mạch của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2024-2025 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuân, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 03 tháng 4 năm 2024 đến trước 17h ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bóng nong van động mạch phổi trẻ em các cỡ	Chất liệu Polyamid . Có marker chắn xạ giúp định vị bóng. Kích thước đường kính bóng: 4-20 mm, chiều dài 20-30 mm. Áp lực thường đối với bóng đường kính 4,6,8mm: 355kpa/3.5atm. Áp	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		lực tối đa đối với bóng đường kính 4,6,8mm: ≥ 405kpa/4.0atm. Áp lực thường đối với bóng đường kính 10, 12mm: 304kpa/3.0atm. Áp lực tối đa đối với bóng đường kính 10, 12mm: ≥355kpa/3.5atm.Áp lực thường đối với bóng đường kính 18mm: 253kPa/2.5atm. Áp lực tối đa với bóng đường kính 18mm: ≥ 304kPa/3.0atm. Áp lực thường đối với đường kính 20mm: 203kPa/2.0atm. Áp lực tối đa với bóng đường kính 20mm: ≥ 253kPa/2.5atm. Đường kính sheath: 3fr. Dây dẫn tương thích: 0.014 inch với các kích thước bóng 4-10mm, 0,018inch với kích thước bóng 12mm, 0.035inch đối với bóng đường kính 18, 20mm. Tiêu chuẩn ISO 13485		
2	Bóng phá vách liên nhĩ	Có marker cản quang, đường kính 9.5 và 13.5mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	3
3	Bóng đo đường kính thông liên nhĩ	Cỡ bóng 24 mm và 34 mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	15
4	Bộ mở thông lòng mạch đường tay các cỡ	Bao gồm các thành phần sau: kim catheter chọc mạch cỡ 20G, Guide wire plastic cỡ 0.025"x 45cm, Bơm tiêm 2.5ml, Introducer Sheath, que nong, Dao rạch da. Sheath có phủ lớp ái nước, lực ma sát cản chỉ bằng 1/2 so với sheath thông thường. Kích thước: các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr dài 10cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương.	Bộ	105
5	Dây dẫn chẩn đoán ái nước đầu thẳng 150cm	Cấu tạo: dây lõi kim loại, phủ lớp ái nước. Đầu thẳng, phần đầu linh hoạt dài 3, 5, 8cm. Kích thước: cỡ 0.035", dài 150cm. Tiệt trùng bằng: Oxide Ethylene. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC	Cái	40
6	Dây dẫn chẩn đoán ái nước đầu cong 260cm	Cấu tạo: dây lõi kim loại, phủ lớp ái nước. Đặc điểm, hình dạng: đầu cong góc 45 độ hoặc hình chữ J , phần đầu linh hoạt dài 3, 5, 8cm. Kích thước: cỡ 0.035" dài 260cm. Tiệt trùng bằng Oxide Ethylene. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC	Cái	10
7	Dây dẫn can thiệp mạch vành 0.014	Khả năng chống gấp khúc tuyệt vời, khả năng chống xoắn 1:1. Đầu tip linh hoạt và cấu hình đa dạng. Đường kính 0.014", chiều dài 185cm. Lớp phủ ưa nước tùy chọn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10
8	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh (9GW)	Dây dẫn đường hỗ trợ can thiệp (9GW). Chất liệu Guide Wire làm từ thép không rỉ với lớp phủ PTFE bên ngoài. Kích thước, thông số kỹ thuật: 7.5mm J- Tip, 1.5mm J- Tip, 6mm J - Tip. Đường kính trong 0.035 inch với chiều dài 260cm và 300cm.	Cái	15
9	Catheter chẩn đoán Pigtail các cỡ	Kiểu dáng cuộn đuôi lợn, thân thẳng, không gập góc. Cấu trúc 3 lớp : lớp đan kép ở giữa, lòng rộng hơn các loại catheter thông thường cùng cỡ, đầu catheter linh hoạt. Lòng rộng 1.2mm (5Fr), 1.05mm (4Fr) .Chất liệu Polyurethan rich nylon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC	Cái	30

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
10	Catheter chẩn đoán Multi các cỡ	Cấu trúc 3 lớp , lớp đan kép ở giữa, lớp trong và ngoài là polyurethan rich nylong. Có thể đưa được cả vào vành phải, vành trái,quai động mạch chủ. Kích thước: cỡ 5F: dài 100cm, lòng rộng 1.20mm; cỡ 4F: dài 80cm, lòng rộng 1.05mm. Vật liệu: Polyurethan rich nylon. Tiệt trùng bằng Oxide Ethylene. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC	Cái	40
11	Catheter chẩn đoán JR các cỡ	Cấu trúc 3 lớp , lớp đan kép ở giữa, lớp trong và ngoài là polyurethan rich nylon. Cấu tạo: cỡ 5F có lòng rộng 1.20mm và cỡ 4F có lòng rộng 1.05mm. Đầu catheter linh hoạt, catheter không gây co mạch khi đi qua động mạch rất nhỏ. Kích thước: cỡ 5F và 4F, dài 100cm. Vật liệu: Polyurethan rich nylon. Tiệt trùng bằng Oxide Ethylene. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC	Cái	5
12	Bộ Sheath để thả dù đóng lỗ thông ống động mạch, thông liên thất, thông liên nhĩ các cỡ	Bộ dụng cụ bung dù. Thiết kế vỏ tăng cường polymer giúp tăng khả năng kháng xoắn thông qua một lớp bện làm bằng thép không gỉ. Lớp vỏ bọc PTFE giảm ma sát cho phép thiết bị mềm mịn và dễ kiểm soát. Đầu mềm, điểm chấn bức xạ được thiết kế để giảm thiểu nguy cơ tổn thương mạch và hình dung của vị trí. Kích thước, thông số kỹ thuật: 4F,5F,6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F (45/80, 90/80 và 180/80). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	30
13	Dù bít còn ống động mạch tương thích MRI	Thiết bị tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông còn ống động mạch, cung cấp chắc chắn vị trí an toàn trong còn ống động mạch và làm giảm tắc mạch. Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị cho vị trí tối ưu. Chất liệu Nitinol và đan xen Polyester giúp đóng lỗ và tăng tốc độ phát triển mô. Tỷ lệ đóng 98.4% ở mức 6 tháng. Kích cỡ đa dạng: 5/4, 6/4, 8/6, 10/8, 12/10, 14/12, 16/14mm.	Bộ	5
14	Dù bít còn ống động mạch thế hệ mới loại 2 cánh loại 1	Thiết bị tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông còn ống động mạch. Tương thích, nhiều lớp lưới và khớp nối kép đĩa cung cấp phù hợp cao để điều trị hầu hết các loại còn ống động mạch. Thiết kế đối xứng cung cấp sự mềm dẻo để lựa chọn một động mạch chủ hoặc động mạch phổi. Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị cho vị trí tối ưu. Sáu chiếc cánh của dù bít tạo ra vùng phủ sóng cắt ngang đầy đủ được thiết kế để nhanh chóng, đóng lỗ hoàn toàn. Công nghệ không vải cho phép đẩy xuyên qua một ống thông cấu hình thấp trong khi duy trì một tỷ lệ bít cao. Kích thước: 3/4, 3/6, 4/4, 4/6, 5/4, 5/6, 6/4, 6/6mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	10
15	Dù bít còn ống động mạch thế hệ mới loại 2 cánh loại 2	Thiết bị tự bung rộng để đóng lỗ thông còn ống động mạch. Vành thiết bị cấu hình thấp và trục vít cuối được thiết kế để giảm thiểu xâm lấn vào động mạch chủ hoặc động mạch phổi. Đan chặt, lớp lưới đơn được cấu tạo để giảm thiểu luồng thông dư sau đặt. Kích thước: 3/2, 3/4, 3/6, 4/2, 4/4, 4/6, 5/2, 5/4. Đạt	Bộ	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
16	Dù bít lỗ thông liên nhĩ các cỡ, tương thích MRI	Thiết bị đĩa đôi tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông liên nhĩ. Phần eo tự động lấp đầy lỗ hổng. Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị. Chất liệu Nitinol và đan xen Polyester hoặc tương đương. An toàn và hiệu quả: tỷ lệ đóng lỗ ≥ 97.2% trong 6 tháng. Kích cỡ đa dạng: 4, 5, 6, 7,8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 ,16, 17, 18, 19, 20, 22, 24, 26, 28,30,32,34,36,38,40 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	15
17	Bộ dụng cụ thả đóng lỗ thông liên thất	Đường kính từ 5F đến 14 F. Có khả năng đẩy và chống gập khúc tốt. Có lớp lót PTFE giúp dù di chuyển dễ dàng bên trong lòng ống và làm giảm hiện tượng huyết khối. Kiểu đầu cong 180°. Sử dụng dễ dàng, đảm bảo cho thiết bị đóng được đưa vào đúng vị trí, lấy ra hoặc đặt lại dễ dàng.	Bộ	3
18	Dụng cụ bắt dị vật	Dụng cụ bắt dị vật dùng để định vị cấy và ghép mô, dùng chụp bắt hoặc lấy lại các dị vật (như dây dẫn, ống thông, coil, .v.v.). Hỗ trợ, điều chỉnh hoặc tái định vị trong nhiều thủ thuật như xen kẽ tĩnh mạch để tiếp cận tĩnh mạch trung tâm và ống thông tĩnh mạch đặt lâu dài. Đầu vợt mềm giảm tổn thương mô, mô-men xoắn trực tiếp 1: 1, lõi có khả năng chống vặn xoắn. Đầu vợt gập thành 1 góc đúng 90°, vuông góc với thân vợt. Bộ dụng cụ bao gồm: Snare loop (đầu vợt), Catheter introducer, mô - men xoắn và bộ phận kết nối chữ Y. Chiều dài 120cm, đường kính vòng vợt từ 5mm đến 30mm.	Cái	2
19	Kim chọc động mạch 20G	Kim chọc động mạch cỡ 20Gx2". Tiêu chuẩn CE	Cái	300
20	Bộ khăn can thiệp điện sinh lý	01 Khăn trải bàn dụng cụ L 240x200. 01 Khăn chụp mạch vành E2 220x370. 02 Bao chụp đầu đèn MS Ø60. 01 Bao chụp đầu đèn S Ø55. 01 Bao remote 12x25. 01 Bao kính chắn chì 80(w) x 90(l). 06 Khăn thấm 30x40. 03 Áo phẫu thuật basic L 160(w) x 135(l). 01 Tấm phủ chắn chì 180x150cm 01 Khăn có lỗ với màng phẫu Ø 8cm 120x160cm. 02 Khăn không keo thấm 15x60cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	50
21	Dây truyền dung dịch liệt tim các cỡ	Có 1 đầu cắm vào túi dịch liệt tim, dẫn dung dịch liệt tim vào 1 bầu lọc. Phải có 1 đoạn dây đầu vào bầu lọc nữa để đuổi khí. Đầu ra của bầu lọc là 1 đoạn dây 1/8" dài ít nhất 180cm và có 1 khóa nhựa trên đoạn dây này. Trống đo áp lực nối 2 đầu ra vào bởi 2 đoạn dây 1/8" . Một trong hai đoạn dây này có chiều dài ít nhất 30cm, trên đoạn dây này có 1 khóa 3 chạc.	Bộ	30
22	Vi ống thông micro catheter 2.7Fr	Vi ống thông 2.7Fr loại đồng trục có dây dẫn đi kèm. Kích thước: Đường kính: 2.7Fr, Chiều dài: 130 cm. Cấu tạo: thân ống đoạn xa có 3 lớp. Lớp trong: phủ lớp PTFE. Lớp giữa: là lớp	Cái	50

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		cuộn chất liệu Tungsten tăng tinh cản quang. Lớp ngoài: phủ lớp ái nước. Thông số dây dẫn đi kèm: kích cỡ 0.021", lõi bằng hợp kim Nitinol siêu đàn hồi, đầu có lớp cuộn bằng vàng 3cm, lớp áo ngoài Hydrophilic. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương		
23	Vi ống thông micro catheter 2.0Fr	Cấu tạo: thân ống đoạn xa có 3 lớp. Lớp trong: phủ lớp PTFE. Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten tăng tinh cản quang. Lớp ngoài: phủ lớp ái nước. Kích thước: Đường kính 2.0Fr. Chiều dài: 130 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương	Cái	30
24	Dây dẫn dùng cho micro catheter 2.0Fr	Dây dẫn dùng cho can thiệp: đường kính: Ø 0.016"/0,40 mm. Chiều dài: 165 cm và 180 cm. Bề mặt cuộn dây phủ hydrophilic, cấu tại thép không rỉ. Bề mặt thân: Phủ PTFE, chiều dài đoạn chắn bức xạ: 5 cm. Hình dáng đầu tip xa: straight (thẳng). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	30
25	Ống thông catheter Vertebra	Cấu tạo: lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan. Lớp giữa là lớp đan kép. Kích thước: 4Fr, 5Fr. Đường kính lòng ống: 4Fr (1.03mm) hoặc 5Fr (1.2 mm). Chiều dài: 100 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương	Cái	45
26	Dây dẫn cho ống thông vertebra	Dây dẫn cho ống thông vertebra. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	15
27	Vật liệu nút mạch tạm thời (spongel) các loại, các cỡ	Vật liệu nút mạch tạm thời (spongel) các loại, các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	50
28	Hạt nút mạch P.V.A các cỡ	Hạt nút mạch chất liệu Polyvinyl alcohol hoặc tương đương, các cỡ 45-150, 150-250, 250-355, 355-500, 500-710; 710-1000; 1000-1180 micron. Tương thích với catheter có đường kính trong tối thiểu: 0.53mm (0,021 in), hoặc 0.69 mm (0,027 in) hoặc 1.12mm (0,044 in). Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	30
29	Phổi nhân tạo dùng cho trẻ em kèm dây dẫn loại 1	Hệ thống phổi nhân tạo kèm dây dẫn dùng cho trẻ em. Thiết kế và chất liệu: Phổi nhân tạo: Chất liệu màng: Microporous Polypropylene hollow fiber hoặc tương đương. Diện tích bề mặt màng: ≥0,5m2. Bộ trao đổi nhiệt: Polyethylene Terephthalate (PET) hoặc tương đương. Thể tích mồi: ≥48ml. Tốc độ dòng chảy khuyến nghị: 0,1-2,0 lít/phút. Áp lực nước cực đại: 1550 mmHg (206 kPa). Áp lực máu cực đại: 750 mmHg (100 kPa). Đầu vào tĩnh mạch: 1/4 inches. Đầu ra động mạch: 1/4 inches. Cổng màng lọc được nối với van 1 chiều: 1/16in (0,16cm) male luer. Bình chứa máu: Thể tích bình chứa: ≥ 1200ml. Thể tích vận hành tối thiểu: 20 ml. Lọc cardiotomy: 30 micromet. Màn lọc đường vào tĩnh mạch: 64 micromet. Bộ dây dẫn chạy tim phổi nhân tạo cho trẻ em chất liệu PVC, silicone hoặc tương	Bộ	8

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		đương. Đảm bảo tương thích với quả phổi và máy tim phổi nhân tạo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
30	Bộ dây dẫn máu của máy tim phổi nhân tạo các hạng cân	Các đoạn dây qua đầu bơm bằng Silicone hoặc tương đương, các đoạn khác là PVC có tráng Silicone có tính tương thích sinh học chống tan máu. Bao gồm đầy đủ các dụng cụ hỗ trợ gây mê chạy máy tim phổi: trống đo áp lực, các dây đo áp lực, nối với máy, bệnh nhân, máy gây mê. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	25
31	Cannuyn dẫn lưu tim trái các cỡ	Cannula thông khí trực tiếp và gián tiếp tâm thất trái có marker đánh dấu độ sâu. Dùng cho trẻ em và người lớn. Thân thẳng, định hình sẵn hoặc dễ uốn. Chất liệu PVC hoặc silicon. Tùy chọn bộ chọc mạch với dây lái có thể uốn được hoặc cứng để dễ dàng lắp và đặt. Cổng kết nối có hoặc không thông khí. Chiều dài tổng thể 13 in (33.0 cm), 15 in (38.1 cm), 16 in (40.6 cm). Đầu tip đục lỗ, các cỡ: 10 Fr (3.3 mm), 13 Fr (4.3 mm), 15 Fr (5.0 mm), 16 Fr (5.3 mm), 18 Fr (6.0 mm), 20 Fr (6.7 mm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	21
32	Cannuyn động mạch cong các cỡ	Cannulae động mạch đầu nhựa, mũi cong 135 độ, có dây xoắn tăng cường. Độ dài hiệu dụng: 22 cm. Đường kính: 2.6mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	20
33	Cannuyn tĩnh mạch cong ống có dây xoắn tăng cường các cỡ từ 10Fr đến 20Fr	Cannuyn tĩnh mạch đầu cong 90° đầu có cổ khâu bằng nhựa, ống có dây xoắn tăng cường, các cỡ 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18 Fr, 20Fr. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	15
34	Cannuyn tĩnh mạch cong các cỡ	Cannulae tĩnh mạch đầu nhựa, mũi cong 90 độ, có dây xoắn tăng cường. Độ dài hiệu dụng: 25cm, 26cm, 27cm. Đầu kết nối cỡ 1/4"; 3/16" - 1/4". Đường kính: 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10
35	Canuyn tĩnh mạch một tầng đầu thẳng các cỡ	Cannulae tĩnh mạch một tầng đầu thẳng, thân được thiết kế chống xoắn, có vạch đánh dấu độ sâu. Cổng kết nối 1/4 in–3/8 in (0.64–0.95 cm). Chiều dài tổng thể 12–16 in (30,5–40,6 cm). Các cỡ 18 Fr (6.0 mm), 20 Fr (6.7 mm), 22 Fr (7.3 mm), 24 Fr (8.0 mm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10
36	Kim gốc động mạch chủ các cỡ	Cannula gốc động mạch chủ với đầu chắn xạ, gắn với thân PVC. Đi kèm kim chọc tiêu chuẩn. Chiều dài tổng thể 5,5 in (14,0 cm) với các cỡ 9 ga (11 Fr), 12 ga (9 Fr), 14 ga (7 Fr), 16 ga (5 Fr), 18 ga (4 Fr)). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	20
37	Quả lọc máu rút nước đồng bộ dây 0,5m	Quả lọc máu có cấu tạo bởi màng polyethersulfone hoặc tương đương, có tính tương thích sinh học cao. Lọc được các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12. Diện tích bề mặt: 0.25m2/ 0.68m2. Thể tích dịch mồi (Circuit): 45ml/ 137ml. Áp	Bộ	15

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		lực tối đa: 66kPa. Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.		
38	Dây truyền dùng trong chạy tim phổi nhân tạo	Tốc độ truyền 20 giọt/ phút. Tiệt trùng đơn chiếc. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	200
39	Bộ khăn mổ tim trẻ em dùng cho phẫu thuật tim hở	Bao gồm: 01 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300, 01 khăn phủ dụng cụ 150 x 160, 02 túi dụng cụ 40 x 35, 06 băng keo OP 9 x 50, 01 khăn mổ tim 250 x 365, 01 khăn đa dụng 15 x 30, 01 khăn có lỗ tròn 50 x 60, 18 khăn thấm 30 x 40. 05 áo phẫu thuật gia cố thân L 135(l) x 160(w), 02 áo phẫu thuật gia cố thân M 125(l) x 150(w), 04 khăn có keo 60 x 90. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	20
40	Bộ khăn mổ tim trẻ em dùng cho phẫu thuật tim kín	01 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200; 01 Khăn phủ đầu 160 x 250; 01 Khăn phủ chân 180 x 200; 02 Khăn phủ bên 80 x 90; 04 Khăn thấm 35 x 40; 01 Băng keo OP 9 x 50; 02 Áo phẫu thuật hai lớp M 125 x 150; 03 Áo phẫu thuật hai lớp L 135 x 160; 10 Khăn thấm B 24 x 33. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	10
41	Màng mổ vô trùng có Betadin Ioban Incise Drapes 35x35cm	Màng phẫu thuật có chứa chất kháng khuẩn (Iodine) được ngâm tẩm vào lớp keo kết dính Acrylate và được phủ bên dưới màng phim. Mặt dính tiếp xúc trực tiếp với da, phía trên là lớp polymer không dính vô trùng tạo nên vùng phẫu thuật (phẫu trường) vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	40
42	Dung dịch bảo quản tạng	Dung dịch làm liệt cơ tim trong phẫu thuật tim, dịch truyền và làm sạch thận, gan, tim và tuyến tụy của người hiến tặng trước khi lấy ra từ người hiến tặng và để bảo quản những cơ quan nội tạng này trong suốt quá trình bảo quản và vận chuyển giảm nhiệt cho người nhận. Thành phần có Sodium Chlorid 15mmol/l; potassium chlorid 9mmol/l; magnesium chlorid x 6 H2O 4mmol/l; histidine x HCl x H2O 18mmol/l; histidine 180mmol/l; trytophan 2mmol/l; mannitol 30mmol/l; calcium chlorid x 2 H2O 0.015 mmol/l, potassium hydrogen 2-ketoglutarate 1.0 mmol.	Túi	25
43	Ống thử chức năng đông máu	Ống thử chức năng đông máu. Tương thích với máy đo chức năng đông máu Model : Hemochron Response- Accriva.	Hộp	8
44	Canuyl động mạch đùi có thân chống xoắn các cỡ chẵn từ 8Fr - 14Fr	Cannulae động mạch đùi trẻ em với thiết kế linh hoạt, chống gãy gập. Bao gồm một vòng khâu cản quang có thể thay đổi vị trí, một nắp cầm máu cải tiến và một kẹp giữ. Không chứa DEHP. Đi kèm một kim chọc mạch bằng PVC không chứa phtalat có dây lái 0.025 in. Chiều dài tổng thể 22.9 cm. Cổng kết nối 1/4 in (0,64 cm). Thành mỏng 0,38 mm. Các cỡ 8 Fr (2.7 mm), 10 Fr (3.3 mm), 12 Fr (4.0 mm), 14 Fr (4.7 mm) với đầu tip các cỡ dài 10.0 cm, 10.5 cm, 11.0 cm, 11.5 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		hoặc tương đương		
45	Canuyl tĩnh mạch đùi có thân chống xoắn các cỡ chẵn từ 8Fr - 14Fr	Cannulae tĩnh mạch đùi trẻ em với thiết kế linh hoạt, chống gãy gập, thành mỏng 0.38 mm. Bao gồm một vòng khâu cản quang có thể thay đổi vị trí, một nắp cầm máu cải tiến và một kẹp giữ. Không chứa DEHP. Đi kèm một kim chọc mạch bằng PVC không chứa phtalat có dây lái 0.025 in. Cổng kết nối 1/4 in. Chiều dài tổng thể 22.9 cm. Chiều dài đầu tip từ 10.0 cm, 10.5 cm, 11.0 cm, 11.5 cm. Các cỡ 8 Fr (2.7 mm), 10 Fr (3.3 mm), 12 Fr (4.0 mm), 14 Fr (4.7 mm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	2
46	Canuyl tĩnh mạch vành 14 Fr	cannula truyền vành cỡ 14Fr (4.7mm), chiều dài 15,2cm có ngạnh đầu rỗ, gắn với trục thép không gỉ dễ uốn, một đầu gắn với khóa luer cái	Cái	1

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- *Nt; SYTQN (đăng tải)*
- *Lưu: VT,KHTH.*

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN - NHI TỈNH QUẢNG NINH

Bùi Minh Cường

PHỤ LỤC
BÁO GIÁ

Kính gửi: ... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kĩ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền(11) (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
3												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày……..tháng……..năm……..

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))